

UNIT

1

FREE TIME



VOCABULARY

WORD	PRONUNCIATION	MEANING
1.	/tʃæt/	trò chuyện
2.	/ʃʃ.ɪŋ/	câu cá
3.	/haeŋ/	đi chơi với bạn bè
4.	/'dʒvg.ŋ/	chạy bộ
5.	/'dʒu:.əl.ri/	đồ trang sức
6.	/'hænd.bɔ:l/	bóng ném
7.	/rvk ,klai.muj/	leo núi
8.	/'bɔ:d ,geim/	trò chơi trên bàn cờ
9.	/'sketbɔ:d/	lướt ván
10.	/'nʌt.ŋ/	đan kim (len sợi)
11.	/kə'ra:.ti/	võ ka-ra-te
12.	/'roo.lɔ skeit/	truột patin
13.	/'səʊ.ŋ/	may vá
14.	/'ʃt.əl.kɒk/	cầu long/ đá cầu.
15.	/'sai.kliŋ/	đạp xe
16.	/'tei.bəl ,ten.ɪs/	bóng bàn
17.	/di'test/	căm ghét
18.	/,di: aɪ 'wɔɪ/ (/,du: itjə 'self/)	hoạt động tự làm ra, sửa chữa hoặc trang trí đồ vật tại nhà

19.	/fænsi/	mến, thích
20.	/fɒnd/	mến, thích
21.	/ki:n/	say mê, ham thích
22.	/ki:p ɪn tʌtʃ/	giữ liên lạc (với ai)
23.	/kɪt/	bộ đồ nghề
24.	/leʒə/	thời gian rảnh rỗi
25.	/'mesɪdʒ/	gửi tin nhắn
26.	/,pṛtɪ'ga:mi/	nghệ thuật gấp giấy Nhật Bản
27.	/,aʊt'dɔ:z/	ngoài trời
28.	/pri'fɜ:/	thích hơn
29.	/pəzl/	trò chơi câu đố / giải đố
30.	/rɪ'zɔ:t/	khu nghỉ dưỡng
31.	/'snəʊbɔ:dɪŋ/	trượt tuyết bằng ván
32.	/ik stri:m 'spo:rt?	thể thao mạo hiểm

Task 1. Look at the pictures and complete the blanks.

karate	roller skating	playing board games	knitting
table tennis	snowboarding	hanging out with friends	doing puzzle
design jewelry	making crafts	play handball	messaging



1 2..... 3 4



5..... 6..... 7..... 8.....



9..... 10..... 11..... 12.....

Task 2. Match each word with its definition/description

1. knitting	A. the activity that you use a machine with a needle to repair or decorate clothing
2. sewing	B. doing something many times so that you will do it very well

3. shuttlecock	C. the act of kicking a plastic object with feathers into the air
4. table tennis	D. a traditional sport from Japan, in which you fight with your hands and feet
5. karate	E. the activity to make clothes from thick cotton, wool using two long thin needles
6. practice	F. the activity of moving over the ground while wearing boots with small wheels
7. cycling	G. a sport involving two or more players hitting a ball over a net on a table
8. roller skating	H. a sport or activity of riding bicycle
9. brownie	I. things are not neat and untidy
10. baking	J. detailed information on how to make or cook food
11. recipe	K. a way of cooking food such as cookies and bread in an oven
12. mess	L. a small square of a thick, soft chocolate cake with nuts

Task 3. Fill in blanks with the words given.

like hanging out	prefer doing	loves designing	love going	adore playing
watching football	fancies doing	detests doing	fancies being	fancy singing

1. My younger sister.....jewelry.
2. My friend Peter and I.....board games.
3. I don't at the weekend. I like spending time with my family instead.
4. My dad.....in the kitchen and preparing food for my family.
5. Nancy..... housework such as washing the dishes.
6. My sister doesn't.....
7. Joey enjoys.....but he detests playing football.
8. My sister.....voluntary activities. She has travelled to 15 countries to do voluntary work.

9. Ifishing with my friends because we can sit next to the water and relax all day

10. I don't like outdoor activities. Iarts and crafts.

Task 4. Vocabulary

a. Choose the word that has a stress pattern pronounced differently from the others.

1 A. knitting	B. handball	C. feather	D. machine
2 A. sewing	B. practice	C. routine	D. music
3 A. degree	B. tennis	C. guitar	D. career
4 A. bicycle	B. chocolate	C. decision	D. memory
5 A. collection	B. basketball	C. volleyball	D. badminton

b. Circle the odd one out.

1 A. volleyball	B. karate	C. music	D. tennis
2 A. cycling	B. jogging	C. boxing	D. knitting
3 A. practice	B. sewing	C. training	D. exercise
4 A. cycling	B. swimming	C. diving	D. boating
5 A. volleyball	B. basketball	C. shuttlecock	D. handball

c. Put the words or the phrase in the correct columns

fishing	TV watching	jogging	rock climbing	board games
knitting	cycling	roller skating	sewing	table tennis

Indoor activities	Outdoor activities

Task 5. Give the correct form of the word given to complete the sentence.

1. I like cooking in my free time. It makes me feel _____. (RELAX)

2. My sister doesn't like surfing the Internet, she says it is _____. (BORE)

3. Skateboarding is her hobby. It is also one of the most _____ sports of the teenagers. **(POPULARITY)**
in this town.

4. My close friend gave me a _____ present on my birthday. I like it so much. **(WONDER)**

5. My brother works as a volunteer for an animal protection _____. He really loves his job. **(ORGANIZE)**

6. People in my country are very warm and _____. **(FRIEND)**

7. L.A Hill is a _____ writer. **(HUMOR)**

8. I'm _____ sorry for the delay. **(EXTREME)**

9. Are you _____ about the new Gears Of War games? **(EXCITE)**

10. She listens to classical music for _____. **(RELAX)**



GRAMMAR

I. Verbs of liking + V-ing/ to-infinitive.

Khi một động từ theo sau một động từ chỉ ý thích, động từ đi theo sau đó phải ở dạng V-ing hoặc to V.

Verb	Meaning
	thích
	thích
	thích
	yêu thích
	thích hơn
	mê, thích mê
	ghét

	không thích ghét
--	---------------------

Ví dụ:

.....
.....

- Bạn cần phân biệt 2 dạng câu sau:

- Like + V+ing: chỉ 1 hành động thuộc về, có tính chất, theo

Ví dụ: -

- Like to – infinitive: chỉ 1 hành động thích/ muốnlàm gì đó có tính chất,

Ví dụ: -

Chú ý:

Một số động từ có thể được dùng với cả V-ing hoặc V-infinitive mà

.....

Ví dụ:

II. Prepositions of time

Until as a preposition means ‘up to (the time that)’: Trong tiếng Anh, “Until” là giới từ mang nghĩa “.....” hoặc “.....”

.....

Chúng ta sử dụng hoặc để nói về thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc của một việc gì đó:

.....

Chúng ta dùng , để nói về điều gì đó sẽ xảy ra trước một thời điểm hoặc thời hạn cụ thể:

.....

III. PRESENT SIMPLE AND PRESENT CONTINUOUS FOR FUTURE

Thì hiện tại đơn để diễn tả thì tương lai khi nói về , , (như giao thông công cộng, lịch chiếu phim, lịch phát sóng chương trình truyền hình...)

Ex: -

Thì hiện tại tiếp diễn được sử dụng với nghĩa khi diễn tả một (có).

Ex: -

IV. Phát âm /s/ và /z/

1. Âm /s/

“s” đứng

Ví dụ: -

“.....” **đôi khi cũng phát âm thành s**

Ví dụ-

“.....” **thì luôn phát âm thành s**

Ví dụ-

“.....” **được phát âm thành /s/**

Ví dụ: -

“s” **đứng tận cùng các phụ âm vô thanh như /..../, /..../, /..../, /..../, /..../**

Ví dụ: hats /hæts/, laughs /læfs/, cooks /koks/

2. Âm /z/

“.....” **đôi khi cũng bị phát âm thành /z/**

Ví dụ: -

“s” **được thêm vào từ tận cùng là các và**

Ví dụ-

“.....” **được phát âm thành /z/**

Ví dụ: -

“.....” **thỉnh thoảng được phát âm thành /z/**

Ví dụ: -

Task 1. Complete the sentences, using the -ing form of the given verbs.

do	stay	travel	take	do
collect	plant	go	eat	watch

1. We enjoy for a walk around the lake every evening.
2. My friend Jenifer loves unique things.
3. Most of my friends don't like homework at the weekend.
4. Do you like flowers in the balcony?
5. I hate outdoors in the summer. It's so hot.
6. I don't like challenging sports like ice skating or surfing.
7. My cousin David adores photos. He has got an expensive camera.
8. Who dislikes films on TV?
9. Does Laura hate noodles?
10. My mother detests by bus because she can be carsick.

Task 2. Complete the sentences with the *to-infinitive* or *ing* form of the verbs in brackets.

1. I have enjoyed ____ (meet) you. Hope _____ (see) you again soon.
2. My father is not keen on coffee. He prefers (drink) tea.
3. I am a little busy. Would you mind (wait) a little longer?
4. Mobile games are great, but I don't like (play) them for too long.
5. If I can choose, I prefer (stay) at home to (play) sport.
6. Tonight I'd like ____ (go) out, but I have to do my homework.
7. Sue loves _____ (make) origami. She can fold some animals, birds and flowers.
8. I detested _____ (spend) two hours every day travelling to work and back.
9. He started _____ (surf) the net hours ago. Has he stopped (surf) yet?
10. I tried hard _____ (concentrate), but my mind kept (wander).

Task 3. Complete the sentences with *by* or *until/till*

1. I will keep asking _____ you accept my offer.
2. The bank should be open _____ 5 o'clock today.
3. We must finish our project _____ next Friday.
4. _____ the time she arrived, the meeting had already begun.
5. According to the weather forecast, it will keep snowing _____ the weekend.
6. According to the weather forecast, it should finally snow _____ this weekend.
7. I need this work finished _____ tomorrow morning.
8. Can you look after the baby _____ I get back.
9. Make sure to return home _____ 9 o'clock.
10. Sandra is going to have my car _____ the weekend.
11. Sandra promised to bring back my car _____ Sunday afternoon.
12. Don't do anything _____ the backup arrives.
13. I will have been married for ten years _____ 2020.
14. _____ what time are you open today?
15. Learning English was difficult _____ I came across this website.

Task 4. Choose the correct answer.

1. I will keep asking ...**by/ until**..... you send my payment.
2. The shop is open **by/ until**..... 9 pm.
3. They said that they would finish the job **by/ until**..... Friday.
4. I waited for him **by/ until**..... 12 o'clock and then I went home.
5. I will be staying in this city **by/ until**..... the end of this month.
6. I will be home five o'clock.

7 **By/ Until** the end of the party, everybody was drunk.

8. I will be in bed **by/ until** the time you get home.

9. I will be ready **by/ until** the time you arrive.

10. I will wait here **by/ until** you come back.

Task 5. Circle the correct answer.

1. Tomorrow the sun (rises/ is rising) at 6.44 and it (sets/ is setting) at 18.33.
2. I (don't do / am not doing) anything tonight. I want to relax.
3. What time (do you meet/ are you meeting) John on Sunday?
4. This year the school (ends/ is ending) on 28 June.
5. After the reconstruction, the supermarket (opens/ is opening) on Monday again
6. I can't help you. I (see/ am seeing) the doctor this afternoon.
7. We've already booked our holiday. We (go/ are going) to Rome in May.
8. Could you meet us at the airport tomorrow morning? The plane (lands/ is landing) at 10.15.
9. The piano concert doesn't start/ is not starting) at 8 o'clock. It's cancelled.
10. (Do you have/ Are you having) your birthday party this week or next week? I forgot.

6. Find ONE mistake in each of the following sentences and correct it.

1. Having leisure activities are truly important to the elderly.
A B C D

2. Although she wanted to go to the museum, she decided staying at home.
A B C D

3. Parents are concerned that their kids may be spending too many time on screen
A B C D

4. Collecting coins is exciting, but it can also be relaxed.
A B C . D

5. Cloud watching sound weird, but Hang adores it.
A B C . D

6. For some young people, enjoyment involves sitting in front a computer playing games.

A

B

C

D

7. His parents are thinking of banning him on using the computer.

A

B

C

D

8. When you game online, be carefully when making friends with strangers.

A

B

C

D

9. I detest to have to get up when it's dark outside.

A

B

C

D

10. Do you fancy to come on a day trip to Bath next Saturday?



LISTENING

Task 1: Listen and complete the sentences. (Track 03)



1. Tuan likes the Internet in his free time
2. Webpages load with a high-speed connection.
3. Tuan usually his email.
4. Tuan sometimes orders products or online.
5. Using the Internet can be fun and

Task 2: Listen and decide if the statements are True(T) or False(F)

1. Tuan likes surfing the Internet in his free time. _____
2. When Tuan gets home from work, he goes to bed. _____
3. He can download files quicker thanks to high-speed connection. _____
4. He never reads news on the Internet. _____
5. He orders products online to save money. _____

**SPEAKING****Task 1. Match the questions and answers. Then practice.**

1. What do you enjoy doing in your spare time?	M. I don't know ... doing sport or playing a musical instrument.
2. How much time do you have each week for socializing with friends?	N. I want to improve my speaking skill.
3. What do you think is the best leisure activity for teens?	O. I prefer to spend my free time with my family and friends.
4. Why do you join English club?	P. I'm not sure. I might watch a video at home.
5. Do you prefer to spend your free time alone or with other people?	Q. For relaxation, I prefer listening to soft music.
6. What do you do to relax yourself?	R. Every day to consume face book updates from friends and family.
7. How often do you use social media?	S. About five hours or fewer
8. Do you have any plans for next weekend?	T. I love reading and spend as much time as I can doing that.

Task 2. Write the question for the underline part.

- I. Write questions for the underlined parts.

1.A: _____

B: My mother watches films every afternoon.

2.A: _____

B: They went to the movies yesterday evening.

3.A: _

B: I love hanging out with my best friend Helen.

4.A: _

B: I don't give my personal information to websites because it's easy to be stolen.

5.A: _

Children should spend less than 2 hours a day on screens.

6.A: _

B: Do-it-yourself (DIY) is the most popular pastime in my country.

7.A: _

B: The art of paper folding originated in China.

8.A: _

B: 1 vs 100 game show lasts ninety minutes.